

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 732/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Long;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Chung Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: Số B đường P, Ấp A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số B đường P, Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn:

Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Ông Phan Xuân N, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 16/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Bà và vợ chồng bà Phan Thị Bích L, ông Phan Xuân N ở gần nhà nhau nên có mối quan hệ quen biết. Do bà L và ông N cần tiền để mua phần đất diện tích khoảng 196,8m² thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 18 Bộ địa chính xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

nên bà L và ông N có hỏi mượn tiền của bà. Ngày 26/8/2022, bà L, ông N có viết giấy mượn tiền của bà với nội dung vay của bà số tiền 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và số tiền bà hùn mua phần đất diện tích 8,2mx24m là 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng; tổng cộng bà đã giao cho bà L, ông N số tiền là 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng. Do cần lấy lại tiền nên bà đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà L, ông N trả lại số tiền trên nhưng bà L và ông N cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu chấm dứt giấy mượn tiền lập ngày 26/8/2022 giữa bà và bà Phan Thị Bích L, ông Phan Xuân N. Buộc bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N phải trả cho bà số tiền 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/4/2025, bà H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu bị đơn là bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay là 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hùn vốn mua đất 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bị đơn là bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay là 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về tố tụng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; việc gửi thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử; thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định; việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Tuy nhiên, cần khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn cấp, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và thời hạn gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, buộc bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N phải thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền vay là 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 16/12/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nộp ngày 22/4/2025, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ là 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là bà Phan Thị Bích L, ông Phan Xuân N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hình thức:

Tại giấy mượn tiền ngày 26/8/2022, bà Phan Thị Bích L, ông Phan Xuân N xác nhận nội dung bà H cho bà L, ông N vay số tiền 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và bà Hà H1 với bà L, ông N mua đất với số tiền 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Như vậy, về mặt hình thức, giấy mượn tiền ngày 26/8/2022 đã được lập thành văn bản, phù hợp với Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

[3.2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 16/12/2024, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt giấy mượn tiền lập ngày 26/8/2022 giữa bà và bà Phan Thị Bích L, ông Phan Xuân N. Buộc bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N phải trả cho bà số tiền 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/4/2025, bà H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu bị đơn là bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay là 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền hùn mua đất 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng bà rút lại yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp lời khai, trình bày ý kiến là từ bỏ quyền chứng minh, phản đối của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại giấy mượn tiền ngày 26/8/2022 thể hiện bà H cho bà L và ông N vay số tiền 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng; hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng hai bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Bà H đã thực hiện nghĩa vụ thông báo yêu cầu bà L, ông N trả tiền trước hạn theo thông báo ngày 13/01/2025 nhưng bà L, ông N không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn bà Trần Thị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Trần Thị H rút lại yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hùn vốn mua đất 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là có cơ sở.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N phải trả lại số tiền 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền hùn vốn mua đất là 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ là 1.675.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng theo giấy mượn tiền ngày 26/8/2022.

Thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị H về việc buộc bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N trả số tiền hùn vốn mua đất là 525.000.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Bích L và ông Phan Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.250.000 (sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 8 - TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc